

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 55/2020/DS-PT

Ngày 14- 5- 2020

V/v tranh chấp “Đòi lại tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hà.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sơn

Ông Cao Minh Lễ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Dương Quy Thái-
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 70/2020/TLPT-DS ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp “Đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2020/DS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 35/2020/QĐPT-DS ngày 17 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Anh Huỳnh Thanh H, sinh năm 1974.

1.2 Chị Mai Thị D, sinh năm 1977.

Cùng cư trú: Số 13/3/1, tổ 4, ấp T 2, xã TT, huyện PT, tỉnh AG.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc Trung Tr, nơi cư trú: Ấp HB 1, xã HL, huyện PT, tỉnh AG là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 10/02/2020 (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Đào Văn L, sinh năm 1953 (Có mặt).

Nơi cư trú: Số 163, ấp T 2, xã TT, huyện PT, tỉnh AG.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1954 (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp TT, xã VĐ, huyện GT, tỉnh KG.

Người đại diện hợp pháp của ông Đào Văn L và bà Nguyễn Thị Ph: Ông Lê Ngọc L, nơi cư trú: Số 100A, KP4, thị trấn GR, huyện GR, tỉnh KG là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 25/10/2019 và ngày 05/11/2019 (Xin vắng mặt).

4. Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp BQ 2, xã BTĐ, huyện PT, tỉnh AG.

5. Người kháng cáo: Ông Đào Văn L là bị đơn và bà Nguyễn Thị Ph là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là anh Huỳnh Thanh H và chị Mai Thị D ủy quyền cho chị Nguyễn Ngọc Trung Tr trình bày:

Năm 2010 vợ chồng ông Đào Văn L và bà Nguyễn Thị Ph vay của vợ chồng anh H và chị D số tiền 350.000.000đ để mở phòng game cho con ruột theo Biên nhận ngày 13/4AL/2014 do ông L viết và ký tên, lãi suất 3%/tháng, không thỏa thuận thời hạn nhưng đến mùa thu hoạch nếp bán được bao nhiêu sẽ trả tiền bấy nhiêu, còn tiền lãi trả hàng tháng (tiền lãi đã trả được bao nhiêu không nhớ). Đến ngày 22/12/2011, tiền vốn còn lại 210.038.000đ và năm 2014 anh H, chị D mua dùm nếp giống cho ông L, bà Ph số tiền 59.962.000đ (7.995 kg x giá 7.500đ/1kg) cộng chung: 270.000.000đ, hai bên thống nhất nhập thành số tiền mượn nên ông L làm Biên nhận ngày 13/4AL/2014, hạn 03 tháng sau tức ngày 13/7AL/2014 trả 170.000.000đ, còn lại 100.000.000đ hạn mỗi mùa vụ (04 tháng) trả 50.000.000đ. Theo biên nhận này ông L sẽ trả đủ 270.000.000đ vào ngày 13/3AL/2015 nhưng ông L không thực hiện theo biên nhận mà đến tháng 01AL/2015 ông L có trả được 50.000.000đ, còn lại 220.000.000đ chưa trả, nhiều lần anh H và chị D đòi nợ nhưng vợ chồng ông L chỉ hứa hạn mà không thực hiện.

Anh H và chị D yêu cầu ông L và bà Ph trả số tiền 220.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn là ông Đào Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Ph trình bày:

Vợ chồng ông L và vợ chồng anh H đã làm ăn nhiều năm (không nhớ năm nào), cụ thể anh H cung cấp nếp giống cho vợ chồng ông L, đến khi thu hoạch vợ chồng ông L bán nếp cho anh H, số tiền bán nếp và số tiền nếp giống trừ cho nhau, mùa nào dứt điểm mùa đó, thỏa thuận bằng miệng mà không lập thành văn bản. Có mùa bên ông L thiếu lại một phần tiền nếp giống (bao nhiêu tiền không nhớ), đến hè thu vào tháng 4AL/2014 anh H tiếp tục cung cấp nếp giống (thành tiền bao nhiêu không nhớ), cộng chung tất cả các lần thiếu là 270.000.000đ, ông L viết Biên nhận nợ ngày 13/4AL/2014 có nội dung “có mượn cháu H số tiền là 270.000.000, hạn đến ba tháng sau trả 170.000.000đ, số tiền còn lại mỗi vụ trả 50.000.000đ” thiếu tiền nếp giống mà ghi Biên nhận mượn tiền là do anh H yêu cầu ghi như vậy. Tháng 7/2014 đến mùa thu hoạch nếp, ông L kêu anh H vào

cân nẹp và anh H cử ông Nguyễn Văn H vào coi nẹp, sau khi coi nẹp ông H không nói gì mà đi về và không mua do giá nẹp thấp. Sau đó, ông L bán nẹp cho người khác và đã trả cho anh H 50.000.000đ vào tháng 7AL/2014 chứ không phải trả vào tháng 01AL/2015 như anh H, chị D trình bày trên. Còn lại 220.000.000đ từ năm 2014 đến nay anh H không đòi nên ông L nghĩ anh H biết vụ hè thu vào tháng 7/2014 bị thất mùa và ông L không còn nợ nữa.

Theo Biên bản đối chất ngày 27/9/2019 ông L trình bày “đồng ý trả cho anh H 220.000.000đ nhưng do không có khả năng, khi nào có tiền sẽ trả, không hẹn thời gian” là do ông L không hiểu pháp luật nên trình bày như vậy.

Vợ chồng ông L có thiếu anh H số tiền 220.000.000đ nhưng ông L không đồng ý trả, vì theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012 ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, do giao dịch này đã hết thời hiệu nên ông không chấp nhận yêu cầu của anh H và chị D, đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện.

Ông L không có chứng cứ chứng minh cho lời khai trên nhưng ông chứng minh mùa hè thu vào tháng 7AL/2014 anh H không mua nẹp là không thực hiện theo thỏa thuận ban đầu.

Người làm chứng là anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh làm cò nẹp cho nhiều người, trong đó có vợ chồng anh H hơn 10 năm nay (cụ thể từ năm nào không nhớ). Anh H kêu anh coi mua nẹp của vợ chồng ông L hai lần tại tỉnh KG: Lần 1 không nhớ thời gian nào mua nẹp của ông L, hai bên mua bán bình thường; lần 2 (không nhớ thời gian) anh H kêu ông vào xem nẹp của ông L để mua trừ nợ, còn nợ giữa ông L và H như thế nào anh không biết, thấy nẹp xấu nên ông điện thoại cho anh H cho biết nẹp xấu không mua được, H nói nẹp xấu thì không mua, từ đó đến nay không mua bán gì nữa. Theo ông việc mua bán nẹp giữa ông L và anh H là mua bán bình thường không phải như ông L ủy quyền cho ông L trình bày trên, khi tới đợt thu hoạch nẹp ông L muốn bán cho ai thì bán, chứ không phải chỉ bán cho anh H mà không được bán cho người khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2020/DS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Thanh H, chị Mai Thị D. Buộc ông Đào Văn L, bà Nguyễn Thị Ph phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Huỳnh Thanh H, chị Mai Thị D số tiền 220.000.000đ.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đào Văn L và bà Nguyễn Thị Ph.

- Hoàn trả 6.750.000đ tiền tạm ứng án phí cho anh Huỳnh Thanh H, chị Mai Thị D theo biên lai thu tiền số 0006136 ngày 09/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17 tháng 01 năm 2020 ông Đào Văn L và bà Nguyễn Thị Ph nộp Đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2020/DS-ST ngày 07/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân yêu cầu áp dụng điểm a khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về áp dụng thời hiệu trong vụ kiện nêu trên, hủy toàn bộ nội dung bản án dân sự sơ thẩm.

Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa và phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần HĐXX, thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 phúc xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Đào Văn L và bà Nguyễn Thị Ph, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2020/DS-ST ngày 07/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Đào Văn L và bà Nguyễn Thị Ph kháng cáo trong thời hạn luật định nên đủ cơ sở pháp lý để xem xét yêu cầu kháng cáo của ông bà theo trình tự phúc thẩm.

Anh Huỳnh Thanh H và chị Mai Thị D ủy quyền cho chị Nguyễn Ngọc Trung Tr theo Giấy ủy quyền ngày 10/02/2020, ông Đào Văn L và bà Nguyễn Thị Ph ủy quyền cho ông Lê Ngọc L theo Giấy ủy quyền ngày 25/10/2019 và ngày 05/11/2019. Sự ủy quyền của các đương sự phù hợp với Điều 138 và Điều 140 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Lê Ngọc L được ông Đào Văn L và bà Nguyễn Thị Ph ủy quyền tham gia tố tụng có Đơn xin vắng mặt tại phiên tòa ghi ngày 07/5/2020 và được ông L, bà Ph đồng ý về việc xin vắng mặt của ông L. Yêu cầu của ông L phù hợp với khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là anh Huỳnh Thanh H, chị Mai Thị D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn là ông Đào Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Ph giữ nguyên yêu cầu kháng cáo để kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2020/DS-ST ngày 07/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, yêu cầu áp dụng điểm a khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về áp dụng thời hiệu trong vụ kiện, hủy toàn bộ nội dung bản án dân sự sơ thẩm.

[3] Về kháng cáo của ông L và bà Ph, xét thấy tại điểm a khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định “Đối với tranh chấp phát sinh từ giao dịch dân sự thì áp dụng thời hiệu quy định trong văn bản quy phạm pháp luật tương ứng đối với loại giao dịch đó”, nội dung này không quy định trường hợp hết thời hiệu khởi kiện thì không được quyền khởi kiện yêu cầu trả tiền gốc nên ông L, bà Ph kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm là không có cơ sở. Ông L thừa nhận có ký Biên nhận ngày 13/4AL/2014 để mượn anh H số tiền 270.000.000đ, hẹn 3 tháng trả 170.000.000đ, số còn lại mỗi vụ (04 tháng) trả 50.000.000đ nhưng ông L không thực hiện đúng theo thỏa thuận mà đến tháng 01AL/2015 ông L có trả được 50.000.000đ thì ngưng nên hiện nay còn nợ 220.000.000đ. Như vậy, theo Biên nhận ngày 13/4AL/2014 thì thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 13/3AL/2015 (Nhằm ngày 01/5DL/2015). Căn cứ vào Điều 427 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định thời hiệu khởi kiện là hai năm tính từ ngày 01/5/2015 đến ngày 01/5/2017 nhưng đến năm 2019 mới khởi kiện là đã hết thời hiệu khởi kiện. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi thì Tòa án không giải quyết vì đã hết thời hiệu khởi kiện, đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền gốc thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Tại Biên bản đối chất ngày 27/9/2019 ông L trình bày “đồng ý trả cho anh H 220.000.000đ nhưng do không có khả năng khi nào có tiền sẽ trả, không hẹn thời gian”. Do đó, án sơ thẩm đã buộc ông L và bà Ph cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho anh H và chị D số tiền 220.000.000đ là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông L, bà Ph kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các phần khác của bản án các đương sự không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị nên được giữ nguyên.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L và bà Ph. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2020/DS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân như đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Yêu cầu kháng của ông L, bà Ph không được chấp nhận nhưng ông bà là người cao tuổi và có Đơn xin miễn giảm án phí nên Hội đồng xét xử thông nhất miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông bà.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308, Điều 315 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 138, Điều 140, Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 7 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đào Văn L và bà Nguyễn Thị Ph. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2020/DS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

3. Buộc ông Đào Văn L và bà Nguyễn Thị Ph cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Huỳnh Thanh H và chị Mai Thị D số tiền 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng).

4. Về án phí:

4.1 Ông Đào Văn L và bà Nguyễn Thị Ph được miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

4.2 Anh Huỳnh Thanh H và chị Mai Thị D được nhận lại 6.750.000đ (Sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006136 ngày 09/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H.Phú Tân;
- TAND H.Phú Tân;
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Sơn

Cao Minh Lễ

Trần Thị Thúy Hà